TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/2024/QĐST-VDS	*Mai Sơn, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2024/VDS-HNGĐ ngày 05/8/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Tòng Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản T, xã K, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Chị Quàng Thị T2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản T, xã K, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tòng Văn T và chị Quàng Thị T2 kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La vào ngày 16/9/2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra bất đồng, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Tại phiên hòa giải, chị T2 và anh T xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm T, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị T2 và anh T xác định có 02 con chung là cháu Tòng Hoàng Bảo Q, sinh ngày 06/3/2019 và cháu Tòng Hoàng T4, ngày 27/10/2017. Anh chị thống nhất thỏa thuận chị Quàng Thị T2 là người

trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Hoàng Bảo Q đến khi đủ tuổi trưởng thành. Anh Tòng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Hoàng T4 đến khi đủ tuổi trưởng thành. Anh chị thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và đảm bảo cho sự phát triển của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh T và chị T2 thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh T và chị T2 xác nhận không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Quàng Thị T2 và anh Tòng Văn T là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn ngày 12 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tòng Văn T và chị Quàng Thị T2.

- Về con chung: Chị Quàng Thị T2 là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Hoàng Bảo Q, sinh ngày 06/3/2019 đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Tòng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tòng Hoàng T4, ngày 27/10/2017. Anh chị thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, anh T và chị T2 được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung vợ chồng: Chị T2 và anh T thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung vợ chồng**:** Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tòng Văn T và chị Quàng Thị T2 được miễn lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã A, TP Sơn La;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh